

T.281.

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Số: 1545/TB-DHSG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 1 năm 2017

THÔNG BÁO

TUYÊN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ KHÓA 18.1 NĂM 2018

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ khóa 18.1 năm 2018 như sau:

1. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH

| TT | Chuyên ngành | Mã số | TT | Chuyên ngành | Mã số |
|----|-----------------------|---------|----|-------------------|---------|
| 1 | Quản lý giáo dục | 8140114 | 6 | Hóa hữu cơ | 8440114 |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | 8340201 | 7 | Lịch sử Việt Nam | 8229013 |
| 3 | Quản trị kinh doanh | 8340101 | 8 | Ngôn ngữ học | 8229020 |
| 4 | Toán giải tích | 8460102 | 9 | Văn học Việt Nam | 8220121 |
| 5 | LL&PPDH bộ môn Toán | 8140111 | 10 | Khoa học máy tính | 8480101 |

Ghi chú: Chuyên ngành Hóa lý thuyết và hóa lý dự kiến tuyển sinh vào khóa 18.2 năm 2018.

2. THỜI GIAN VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

2.1. Thời gian đào tạo: 02 năm.

2.2. Hình thức đào tạo: Chính quy.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

3.1. Về văn bằng

Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi;

b. Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn;

c. Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi (chỉ áp dụng cho chuyên ngành Quản lý giáo dục và chuyên ngành Quản trị kinh doanh) và hoàn thành các học phần bổ sung kiến thức theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

- Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp đại học. Nếu trúng tuyển, thí sinh phải nộp bản sao văn bằng có công chứng (có bản gốc để đối chiếu).

- Các văn bằng tốt nghiệp đại học và bằng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch công chứng sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: <http://cnvb.deta.edu.vn/>).

3.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn

Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp hoặc ngành gần (với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi) được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Người dự thi có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác phải có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nộp hồ sơ dự thi).

3.3. Điều kiện bổ sung đối với thí sinh tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục

Thí sinh dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác phải thuộc một trong các đối tượng sau:

- Người dự thi đang làm việc hoặc được quy hoạch vào một trong các vị trí công tác: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ trưởng, tổ phó chuyên môn (có quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản quy hoạch) của các trường từ mầm non trở lên;

- Cán bộ quản lý công tác Đảng trong các cơ sở giáo dục đào tạo; cán bộ quản lý và chuyên viên (làm công tác quản lý giáo dục) của các tổ chức chính trị - xã hội, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố, quận/huyện, sở/phòng giáo dục và đào tạo; cán bộ quản lý, chuyên viên các phòng/ban chức năng của các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

3.4. Các điều kiện khác

- Có lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian chấp hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;

- Có đủ sức khỏe để học tập;

- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

4. DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

4.1. Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi

| STT | Chuyên ngành dự thi | Ngành đúng, ngành phù hợp | Ngành gần |
|-----|-----------------------|--------------------------------|--|
| 1 | Quản lý giáo dục | Quản lý giáo dục | - Giáo dục học; - Ngành Sư phạm (các ngành đào tạo giáo viên trung học, tiểu học, mầm non). |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | Các ngành Tài chính, Ngân hàng | Tất cả các ngành khác thuộc khối Kinh tế mà bằng tốt nghiệp đại học là Cử nhân Kinh tế. |

| | | | |
|----|---------------------|---|--|
| 3 | Quản trị kinh doanh | Các ngành về Quản trị kinh doanh | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống, Marketing, Bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Tài chính – Ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Kiểm toán, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng. |
| 4 | Toán giải tích | - Toán học - Sư phạm Toán học | Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Sư phạm Toán tin, Toán kinh tế, Toán thống kê. |
| 5 | LL&PPDH bộ môn Toán | - Sư phạm Toán học - Toán học (có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) | Toán học, Toán ứng dụng, Toán cơ, Toán tin, Toán kinh tế, Toán thống kê. |
| 6 | Hóa hữu cơ | - Hóa học - Sư phạm Hóa học | Khoa học môi trường, Kỹ thuật môi trường, Công nghệ kỹ thuật hóa học, Hóa dược, Hóa sinh. |
| 7 | Lịch sử Việt Nam | - Lịch sử - Sư phạm Lịch sử | Châu Á học, Quốc tế học, Bảo tàng học, Đông Phương học, Nhân học, Việt Nam học. |
| 8 | Ngôn ngữ học | - Ngôn ngữ học - Ngữ văn - Sư phạm Ngữ văn - Hán – Nôm | - Việt Nam học, Văn học, Văn hóa học, Báo chí, Đông Phương học, Đông Nam Á học; - Các ngành Sư phạm tiếng Anh/Pháp/Trung/Nga/Đức/Nhật; - Các ngành Ngôn ngữ Anh/Pháp/Trung/Nga/ Đức/Nhật. |
| 9 | Văn học Việt Nam | - Ngữ văn - Sư phạm Ngữ văn - Văn học - Sáng tác Văn học - Việt Nam học | Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam, Ngôn ngữ học, Văn hóa học. |
| 10 | Khoa học máy tính | Khoa học máy tính | Truyền thông và mạng máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Công nghệ thông tin, Sư phạm Tin, Toán tin ứng dụng (Toán ứng dụng). |

4.2. Các học phần bổ sung kiến thức

4.2.1. Áp dụng cho các ngành gần với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

| STT | Chuyên ngành | Học phần bổ sung | Số tín chỉ |
|-----|-----------------------|--|------------|
| 1 | Quản lý giáo dục | Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục | 03 |
| | | Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục | 03 |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | Tài chính tiền tệ | 03 |
| | | Tài chính doanh nghiệp | 03 |
| | | Nghiệp vụ ngân hàng thương mại | 03 |
| 3 | Quản trị kinh doanh | Quản trị doanh nghiệp | 03 |

| | | | |
|----|---------------------|--|----|
| | | Quản trị chiến lược | 02 |
| | | Quản trị nguồn nhân lực | 02 |
| 4 | Toán giải tích | Lý thuyết độ đo | 02 |
| | | Giải tích hàm | 03 |
| 5 | LL&PPDH bộ môn Toán | Lý luận dạy học | 03 |
| | | Phương pháp dạy học Toán | 03 |
| 6 | Hóa hữu cơ | Hóa hữu cơ 1 | 03 |
| | | Hóa hữu cơ 2 | 03 |
| | | Các phương pháp hóa lý trong phân tích hữu cơ | 03 |
| 7 | Lịch sử Việt Nam | Những vấn đề lịch sử Việt Nam cổ trung đại | 03 |
| | | Việt Nam trong tiến trình lịch sử cận hiện đại, hội nhập và phát triển | 03 |
| | | Chế độ ruộng đất Việt Nam trong lịch sử | 03 |
| 8 | Ngôn ngữ học | Ngữ âm – âm vị học | 02 |
| | | Ngữ pháp | 03 |
| | | Ngữ nghĩa học | 02 |
| | | Tiếng Việt thực hành | 02 |
| 9 | Văn học Việt Nam | Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XVIII | 02 |
| | | Văn học Việt Nam từ thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX | 02 |
| | | Văn học Việt Nam giai đoạn 1900-1945 | 02 |
| | | Văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 | 02 |
| | | Lý luận văn học (Nguyên lý lý luận văn học, Tác phẩm văn học) | 02 |
| | | Chủ nghĩa nhân văn trong văn học | 02 |
| 10 | Khoa học máy tính | Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 03 |
| | | Cơ sở dữ liệu | 03 |
| | | Cơ sở trí tuệ nhân tạo | 03 |

4.2.2. Áp dụng cho các ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi

| STT | Chuyên ngành | Học phần bổ sung | Số tín chỉ |
|-----|---------------------|--|------------|
| 1 | Quản lý giáo dục | Tâm lý học đại cương | 02 |
| | | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | 03 |
| | | Giáo dục học đại cương | 02 |
| | | Quản lý hoạt động dạy học và giáo dục trong cơ sở giáo dục | 03 |
| | | Đại cương về quản lý và quản lý giáo dục | 03 |
| 2 | Quản trị kinh doanh | Quản trị học căn bản | 02 |
| | | Kinh tế vi mô | 02 |
| | | Kinh tế vĩ mô | 02 |
| | | Marketing căn bản | 02 |

| | | |
|--|-----------------------------|----|
| | Lý thuyết tài chính tiền tệ | 02 |
| | Lý thuyết xác suất thống kê | 02 |
| | Quản trị doanh nghiệp | 03 |
| | Quản trị chiến lược | 02 |
| | Quản trị nguồn nhân lực | 02 |

Ghi chú: Nếu người dự thi đã học các học phần có nội dung trùng với những học phần thuộc danh sách các học phần bổ sung kiến thức và có số tín chỉ phù hợp thì có thể nộp bản sao bằng điểm (có công chứng) để Nhà trường xem xét miễn học khi đăng ký học bổ sung kiến thức.

5. CÁC MÔN THI TUYỂN SINH

Thí sinh thi 3 môn (thi viết).

5.1. Môn cơ bản và môn cơ sở (thời gian thi: 180 phút)

| STT | Chuyên ngành | Môn thi tuyển sinh | |
|-----|-----------------------|---|----------------------------|
| | | Môn cơ bản | Môn cơ sở |
| 1 | Quản lý giáo dục | Lôgic học | Giáo dục học đại cương |
| 2 | Tài chính – Ngân hàng | Toán kinh tế | Kinh tế học |
| 3 | Quản trị kinh doanh | | |
| 4 | Toán giải tích | Đại số | Giải tích |
| 5 | LL&PPDH bộ môn Toán | | |
| 6 | Hóa hữu cơ | Cấu tạo chất và cơ sở lý thuyết hóa học | Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ |
| 7 | Lịch sử Việt Nam | Triết học | Lịch sử Việt Nam |
| 8 | Ngôn ngữ học | | Ngôn ngữ học đại cương |
| 9 | Văn học Việt Nam | Lý luận văn học | Lịch sử văn học Việt Nam |
| 10 | Khoa học máy tính | Toán rời rạc | Tin học cơ sở |

5.2. Môn ngoại ngữ

5.2.1. Môn ngoại ngữ: Tiếng Anh (nội dung thi theo quy định hiện hành, thời gian thi: 120 phút).

5.2.2. Miễn thi đầu vào môn ngoại ngữ:

a. Thí sinh có năng lực ngoại ngữ thuộc một trong các trường hợp sau đây sẽ được xem xét để miễn thi môn ngoại ngữ:

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (theo Bảng tham chiếu khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam dưới đây) trong thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

Tiếng Anh

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | TOEIC | Cambridge Exam | BEC | BULATS | CEFR |
|-----------------------------|-------|------------------------------|-------|----------------|-------------|--------|------|
| Cấp độ 3 | 4.5 | 450 ITP 133 CBT 45 iBT | 450 | PET | Preliminary | 40 | B1 |

Một số tiếng khác

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | Tiếng Nga | Tiếng Pháp | Tiếng Đức | Tiếng Trung | Tiếng Nhật |
|-----------------------------|-----------|------------------------|-----------|--------------|------------|
| Cấp độ 3 | TRKI 1 | DELFB1 TCF niveau 3 | B1 ZD | HSK cấp độ 3 | JLPT N4 |

(Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được)

b. Hồ sơ xin miễn thi môn ngoại ngữ:

- Đơn xin miễn thi môn ngoại ngữ (mẫu có trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học), bản sao có công chứng các minh chứng liên quan (có bản gốc đối chiếu khi nộp đơn).
- Thời hạn nộp hồ sơ xin miễn thi môn ngoại ngữ: đến hết ngày 11/4/2018.
- Danh sách thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ sẽ được thông báo tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học trước khi tổ chức ôn thi.

6. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN VÀ MỨC ƯU TIÊN

6.1. Đối tượng ưu tiên

a. Người có thời gian công tác liên tục 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, người dự thi phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b. Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c. Con liệt sĩ;

d. Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

e. Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

f. Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được ủy ban nhân dân cấp tỉnh/thành phố công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

6.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng mười điểm vào kết quả thi môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm cho môn thi cơ bản (thang điểm 10).

6.3. Hồ sơ xét đối tượng ưu tiên

- Đơn xin xét đối tượng ưu tiên (mẫu có trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học), kèm văn bản minh chứng liên quan.

- Thời hạn nộp hồ sơ xét đối tượng ưu tiên: đến hết ngày 11/4/2018.

Danh sách thí sinh thuộc các đối tượng ưu tiên sẽ được thông báo tại bảng tin của Phòng Đào tạo Sau đại học trước khi tổ chức thi tuyển sinh.

7. LỆ PHÍ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN THI VÀ THI TUYỂN SINH

- Hồ sơ tuyển sinh: 120.000đ/1 hồ sơ;
- Lệ phí đăng ký thi và lệ phí thi: 420.000đ/1 thí sinh;
- Lệ phí ôn thi: 1.200.000đ/1 môn thi;
- Lệ phí học bổ sung kiến thức: 230.000đ/1 tín chỉ.

8. THỜI GIAN PHÁT/NHẬN HỒ SƠ, HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC, ÔN THI VÀ THI TUYỂN SINH

8.1. Phát và nhận hồ sơ đăng ký dự thi

- Thời hạn:
 - + Đối với trường hợp thí sinh không cần học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 11/4/2018;
 - + Đối với trường hợp thí sinh thuộc diện học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 18/4/2018.
- Địa điểm: Phòng Đào tạo Sau đại học (D003), Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú: Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện.

8.2. Học bổ sung kiến thức

- **Đối với chuyên ngành *Quản trị kinh doanh*:**
 - Thời hạn đăng ký: đến hết ngày 10/01/2018;
 - Thời gian học: từ 15/01/2018 đến 04/02/2018 và từ 26/02/2018 đến 01/4/2018
- **Đối với các chuyên ngành còn lại:**
 - Thời hạn đăng ký: đến hết ngày 24/01/2018;
 - Thời gian học: từ 29/01/2018 đến 04/02/2018 và từ 26/02/2018 đến 01/4/2018.
- Các lớp bổ sung kiến thức được tổ chức **học ngoài giờ hành chính** và khi có đủ số lượng thí sinh đăng ký. Lịch học cụ thể của từng học phần sẽ được thông báo tại bảng tin và trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

8.3. Ôn thi tuyển sinh

- Thời hạn đăng ký ôn thi:
 - + Đối với trường hợp thí sinh không cần học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 11/4/2018;
 - + Đối với trường hợp thí sinh thuộc diện học bổ sung kiến thức: đến hết ngày 18/4/2018.
- Thời gian ôn thi: 21/4/2018 đến 20/5/2018 (học chủ yếu vào thứ bảy và chủ nhật);
- Các lớp ôn thi tuyển sinh được tổ chức khi có đủ số lượng thí sinh đăng ký. Lịch ôn thi sẽ được thông báo tại bảng tin và trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học.

8.4. Tổ chức thi tuyển sinh

Dự kiến: các ngày 25, 26, 27 tháng 5 năm 2018.

8.5. Thời gian công bố kết quả tuyển sinh

Dự kiến: tháng 6 năm 2018.

8.6. Thời gian khai giảng khóa học

Dự kiến: tháng 6 năm 2018.

9. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC VÀ HỒ SƠ DỰ THI

9.1 Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức:

Hồ sơ đăng ký học bổ sung kiến thức bao gồm:

1. Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (mẫu có trên website của Phòng Đào tạo Sau đại học);
2. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng, bằng điểm đại học có công chứng.

9.2. Hồ sơ đăng ký dự thi:

Hồ sơ đăng ký dự thi bao gồm:

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu), trong đó cần ghi rõ các thông tin. Nếu thí sinh thuộc diện được cơ quan cử đi học thì trong phiếu đăng ký dự thi phải có xác nhận của cơ quan công tác;
2. Sơ yếu lý lịch (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi thí sinh cư trú;
3. Bản sao bằng tốt nghiệp đại học có công chứng, bằng điểm đại học có công chứng;
4. Phiếu điểm học bổ sung kiến thức do Trường Đại học Sài Gòn cấp (nếu thí sinh thuộc diện phải học bổ sung kiến thức);
5. Giấy chứng nhận sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp không quá 06 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi;
6. Bản sao có công chứng các minh chứng liên quan đến thời gian làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành Quản lý giáo dục (quyết định tuyển dụng, hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác để chứng nhận thời gian công tác trong lĩnh vực đăng ký dự thi);
7. Bản sao có công chứng các minh chứng về vị trí công tác hoặc vị trí quy hoạch đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác dự thi vào chuyên ngành Quản lý giáo dục (quyết định bổ nhiệm, văn bản quy hoạch hoặc các văn bản khác có liên quan);
8. Hồ sơ miễn thi môn ngoại ngữ và xét đối tượng ưu tiên (nếu có nguyện vọng);
9. Hai phong bì có dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại của thí sinh;
10. Bốn ảnh màu cỡ 3 x 4 cm chụp không quá 03 tháng, có ghi rõ họ tên, ngày sinh, chuyên ngành dự thi ở phía sau ảnh.

Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Phòng Đào tạo Sau đại học (phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn;

Số 273 An Dương Vương, P.3, Q.5, TP. Hồ Chí Minh;

Điện thoại: (028) 38.303.108;

Website: <http://dtsdh.sgu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Vụ GDĐH, Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Trung tâm CNTT (để đăng tải trên website);
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP, P.ĐTSDH.



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân